



Member of  **Kreston International**
A worldwide network of independent accountants

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ KRESTON INTERNATIONAL
AUDIT AND FINANCIAL CONSULTING LIMITED COMPANY AND ASSOCIATES
Member of Kreston International

Kiểm toán/Audit ■ Thuế/Tax ■ Tư vấn/Consulting ■ Tài chính doanh nghiệp/Corporate Finance ■

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Ủy viên
Ông Marume Mitsuo	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2010)
Ông Lê Cao Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 7 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Số. 614/BCKT 2011-ACA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Kính gửi:

**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 19 tháng 04 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
TƯ VẤN TÀI CHÍNH**

Lê Xuân Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.043/KTV

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.958.691.581	111.630.698.589
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.161.620.183	159.952.827
1. Tiền	111		1.161.620.183	159.952.827
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.654.569.379	101.394.408.342
1. Phải thu khách hàng	131		54.445.655.069	24.313.343.683
2. Trả trước cho người bán	132		4.109.450.541	3.703.213.354
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	57.902.463.769	73.377.851.305
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(803.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140		24.534.557.198	9.425.812.242
1. Hàng tồn kho	141	V.3	24.534.557.198	9.425.812.242
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.607.944.821	650.525.178
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.4	459.276.582	459.276.582
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.148.668.239	191.248.596
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.709.034.599	121.394.046.619
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.332.446.615	169.810.000
4. Phải thu dài hạn khác	218		16.332.446.615	169.810.000
II. Tài sản cố định	220		45.566.284.983	38.587.673.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.369.679.450	4.109.148.197
- Nguyên giá	222		6.637.039.576	6.607.521.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.267.360.126)	(2.498.373.197)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	119.397.691	198.462.775
- Nguyên giá	228		407.819.466	407.819.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(288.421.775)	(209.356.691)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	42.077.207.842	34.280.062.063
III. Bất động sản đầu tư	240		3.421.783.900	-
- Nguyên giá	241	V.9	3.421.783.900	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		82.244.752.693	82.244.752.693
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	82.244.752.693	82.244.752.693
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.143.766.408	391.810.891
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		973.956.408	391.810.891
3. Tài sản dài hạn khác	268		169.810.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		291.667.726.180	233.024.745.208

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		192.166.034.072	134.136.634.609
I. Nợ ngắn hạn	310		160.413.995.719	116.558.934.106
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	122.414.808.935	78.370.782.322
2. Phải trả người bán	312		16.676.565.790	17.432.476.537
3. Người mua trả tiền trước	313		9.577.943.700	789.254.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	655.804.195	334.297.024
5. Phải trả người lao động	315		327.037.965	221.350.355
6. Chi phí phải trả	316		63.785.477	59.102.472
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	10.698.049.657	19.351.671.326
II. Nợ dài hạn	330		31.752.038.353	17.577.700.503
3. Phải trả dài hạn khác	333		30.000.000	30.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	15.355.591.218	17.547.700.503
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		16.366.447.135	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.15	99.501.692.108	98.888.110.599
I. Vốn chủ sở hữu	410		99.501.692.108	98.888.110.599
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		842.747.818	(3.935.665)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.341.055.710)	(1.107.953.736)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		291.667.726.180	233.024.745.208



Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Lưu Thị Thúy Hiền
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.598.379.830	95.393.340.011
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		77.598.379.830	95.393.340.011
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.537.070.911	87.949.274.379
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.061.308.919	7.444.065.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.888.966.889	10.039.836.195
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.277.946.933	2.710.749.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.299.369.830	1.334.097.166
8. Chi phí bán hàng	24		3.072.838.725	2.772.308.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.361.497.484	4.816.776.149
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.237.992.666	7.184.067.225
11. Thu nhập khác	31		22.706.867	9.454.828
12. Chi phí khác	32		57.453.640	519.234
13. Lợi nhuận khác	40		(34.746.773)	8.935.594
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.203.245.893	7.193.002.819
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.203.245.893	7.193.002.819



Ngày 19 tháng 04 năm 2011

Lưu Thị Thúy Hiền
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	78.411.102.790	83.203.602.869
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(95.952.581.013)	(96.592.972.833)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.710.095.969)	(2.868.224.389)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(14.261.243.100)	(1.346.765.862)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	28.619.533.849	80.200.876.275
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(20.239.057.141)	(72.430.557.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.132.340.584)	(9.834.041.567)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.365.320.961)	(8.445.853.239)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(179.285.146.518)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	178.202.303.820	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.585.768	163.904.678
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.425.577.891)	(8.276.948.561)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	232.332.262.481	151.731.145.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(191.984.777.567)	(129.684.082.009)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.789.180.000)	(3.941.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.558.304.914	18.105.083.832
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.000.386.439	(5.906.296)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	159.952.827	165.560.533
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.280.917	298.590
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.161.620.183	159.952.827


Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 04 năm 2011


Lưu Thị Thúy Hiền
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19 tháng 9 năm 2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 2 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 là 100.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân Công ty tại ngày 31/12/2010 là 70 người (tại ngày 31/12/2009 là 68 người).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Gia công cơ khí;
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường).

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong ngành xây dựng và trang trí nội ngoại thất; kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31/12/2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Dụng cụ quản lý	7

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao, tấm xếp PP, bạt Hiflex và thanh Profile Sea, sản phẩm nhựa uPVC có lõi thép gia cường; doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Năm 2009, Công ty đã phản ánh khoản lãi từ đầu tư Công ty con vào Tài khoản 421-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối mà không phản ánh qua kết quả kinh doanh; năm 2010 Công ty ghi nhận khoản Doanh thu hoạt động tài chính này trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo Thông tư số 201/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại Thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quan điểm hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 giảm đi 842.747.818 đồng (năm 2009: tăng 3.935.665 đồng). Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 55/GP-UB ngày 13 tháng 06 năm 2006 của UBND Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận đầu tư số 39/GCNUĐ ngày 30 tháng 03 năm 2006 của UBND Tỉnh Hà Nam thì Công ty thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất nhựa Đông Á tại Cụm công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội và tại Hà Nam nên phần thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hai dự án trên đang trong giai đoạn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Hai dự án trên hình thành lên hai công ty con đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2007 là Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Một thành viên SMW.

Đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	851.765	23.830.711
Tiền gửi ngân hàng	1.160.768.418	136.122.116
Cộng	1.161.620.183	159.952.827

2. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các công ty con thuộc Tập đoàn	57.469.212.574	58.083.600.485
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Tây Đô	-	15.000.000.000
Phải thu khác	433.251.195	294.250.820
Cộng	57.902.463.769	73.377.851.305

3. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.243.041.377	-
Hàng hóa	21.291.515.821	9.425.812.242
Cộng	24.534.557.198	9.425.812.242

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.276.582	459.276.582
Cộng	459.276.582	459.276.582

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	111.851.101	111.248.596
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.036.817.138	80.000.000
Cộng	1.148.668.239	191.248.596

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	6.035.856.451	571.664.943	6.607.521.394
Mua trong năm	-	29.518.182	29.518.182
Tại ngày 31/12/2010	6.035.856.451	601.183.125	6.637.039.576
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	2.225.452.140	272.921.057	2.498.373.197
Khấu hao trong năm	639.413.693	129.573.236	768.986.929
Tại ngày 31/12/2010	2.864.865.833	402.494.293	3.267.360.126
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	3.810.404.311	298.743.886	4.109.148.197
Tại ngày 31/12/2010	3.170.990.618	198.688.832	3.369.679.450

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 916.602.605 đồng (năm 2009 là 626.962.160 đồng).

7. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	387.972.800	19.846.666	407.819.466
Tại ngày 31/12/2010	387.972.800	19.846.666	407.819.466
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	196.539.028	12.817.663	209.356.691
Khấu hao trong năm	74.103.408	4.961.676	79.065.084
Tại ngày 31/12/2010	270.642.436	17.779.339	288.421.775
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	191.433.772	7.029.003	198.462.775
Tại ngày 31/12/2010	117.330.364	2.067.327	119.397.691

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1.329.219.054	1.329.219.054
Dự án khu công nghiệp Ngọc Hồi	1.792.522.400	4.227.103.900
Dự án khu công nghiệp Hà Nam	-	72.835.000
Dự án khu công nghiệp Tân Tạo	38.955.466.388	28.650.904.109
Cộng	42.077.207.842	34.280.062.063

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng lô đất 960 m² tại Khu Công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá 3.421.783.900 đồng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 với mục đích chờ tăng giá.

10. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	58.000.000.000	58.000.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	4.244.752.693	4.244.752.693
Cộng	82.244.752.693	82.244.752.693

Tình hình góp vốn điều lệ vào như sau:

Tên công ty con	Vốn điều lệ theo Giấy CN ĐKKD	Vốn đã góp	
		31/12/2010	01/01/2010
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	58.000.000.000	58.000.000.000	58.000.000.000
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	20.000.000.000	4.244.752.693	4.244.752.693

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**10. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các Công ty con như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì Hà Nội	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Khu Công nghiệp Tân Tạo A, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa.

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	114.835.757.441	78.370.782.322
Sở giao dịch Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam	-	16.822.798.512
- VND	-	6.037.073.821
- USD	-	10.785.724.691
Ngân hàng TMCP Quân đội	89.986.632.125	41.786.658.653
- VND	64.205.251.930	39.596.897.212
- USD	25.781.380.195	2.189.761.441
Ngân hàng TMCP Tiên phong	13.322.005.786	13.430.487.130
- VND	5.442.225.051	7.403.867.635
- USD	7.879.780.735	6.026.619.495
Ngân hàng TMCP Á châu	-	6.330.838.027
- VND	-	6.330.838.027
- USD	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.527.119.530	-
- VND	8.048.553.850	-
- USD	3.478.565.680	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	7.579.051.494	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.847.156.952	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	731.894.542	-
Cộng	122.414.808.935	78.370.782.322

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	322.537.680	167.436.140
Thuế xuất nhập khẩu	188.857.441	88.249.636
Thuế thu nhập cá nhân	144.409.074	78.611.248
Cộng	655.804.195	334.297.024

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các công ty thành viên thuộc Tập đoàn	3.817.414.000	19.233.557.521
Bà Trần Thị Lê Hải	2.400.000.000	-
Cổ tức phải trả	4.245.220.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	40.614.626	16.653.171
Bảo hiểm thất nghiệp	5.550.499	-
Phải trả khác	189.250.532	101.460.634
Cộng	10.698.049.657	19.351.671.326

14. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	13.403.873.592	17.547.700.503
Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN	-	4.378.700.503
- VND	-	1.711.845.488
- USD	-	2.666.855.015
Ngân hàng Á châu	4.780.000.000	12.700.000.000
- VND (*)	4.780.000.000	12.700.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	8.623.873.592	469.000.000
- VND	-	469.000.000
- USD (**)	8.623.873.592	-
Nợ dài hạn (***)	1.951.717.626	-
Cộng	15.355.591.218	17.547.700.503

- (*) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**14. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

- Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND;
- Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(**) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:
 - Hàng tồn kho luân chuyển trị giá 20.000.000.000 VND;
 - Hai (02) dây chuyền sản xuất thanh Profile trị giá 160.000 USD;
 - Máy dán Laminator và máy cắt trị giá 64.000 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010.
- Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND.

(***) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu****a, Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2009	100.000.000.000	(3.119.619.945)	-	96.880.380.055
Lãi trong năm	-	7.193.002.819	-	7.193.002.819
Chi cổ tức	-	(3.941.980.000)	-	(3.941.980.000)
Giảm khác	-	(1.239.356.610)	-	(1.239.356.610)
Chênh lệch tỷ giá cuối	-	-	(3.935.665)	(3.935.665)
Tại ngày 31/12/2009 (sau khi trình bày lại)	100.000.000.000	(1.107.953.736)	(3.935.665)	98.888.110.599
Lãi trong năm	-	14.203.245.893	-	14.203.245.893
Chi trả cổ tức (*)	-	(14.034.400.000)	-	(14.034.400.000)
Hoàn nhập CLTG	-	-	3.935.665	3.935.665
Chênh lệch tỷ giá CK	-	-	842.747.818	842.747.818
Giảm khác	-	(401.947.867)	-	(401.947.867)
Tại ngày 31/12/2010	100.000.000.000	(1.341.055.710)	842.747.818	99.501.692.108

(*) Là số cổ tức năm 2009 chi trả theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/4/2010.

b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần hai số 0103014564 ngày 12/2/2007, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Cổ đông sáng lập	65.495.000.000	65,5%	65.495.000.000	65.495.000.000
Công ty TNHH TM				
Dịch vụ Hùng Phát	28.920.000.000	28,9%	28.920.000.000	28.920.000.000
Ông Nguyễn Bá Hùng	36.425.000.000	36,4%	36.425.000.000	36.425.000.000
Bà Nguyễn Thị Tính	150.000.000	0,2%	150.000.000	150.000.000
Các cổ đông khác	34.505.000.000	34,5%	34.505.000.000	34.505.000.000
Cộng	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****Cổ tức**

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2010/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2010, Công ty thực hiện tạm ứng chi trả cổ tức cho các cổ đông năm 2010 với mức là 1.400 đồng/cổ phần. Tổng giá trị cổ tức chi trả là 14.000.000.000 đồng. Thời gian thực hiện là ngày 4 tháng 3 năm 2011.

Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa	77.598.379.830	95.393.340.011
Cộng	77.598.379.830	95.393.340.011

2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	65.537.070.911	87.949.274.379
Cộng	65.537.070.911	87.949.274.379

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi	22.585.768	163.904.678
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	471.900	258.301
Lãi từ đầu tư vào các công ty con	15.865.909.221	9.875.673.216
Cộng	15.888.966.889	10.039.836.195

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí lãi vay	2.299.369.830	1.334.097.166
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	978.577.103	1.308.064.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	68.588.180
Cộng	3.277.946.933	2.710.749.711

5. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại	-	-
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	14.203.245.893	7.193.002.819
Trừ:	15.865.909.221	9.875.673.216
Lãi từ đầu tư vào các công ty con	15.865.909.221	9.875.673.216
Cộng:	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.038.948.389	-
Thu nhập chịu thuế	(623.714.939)	(2.682.670.397)
Thuế suất	25%	25%
Thuế TNDN phải nộp	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****a) Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	-	18.271.703.559
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	9.451.904.989	4.277.200.003
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	747.523.468	40.986.490
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	153.382.758	153.382.758
Các khoản phải thu khác			
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	21.396.627.314	14.192.119.603
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	48.203.662.110	39.236.503.146
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	4.201.369.765	4.654.977.736

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)****a) Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Các khoản phải trả người bán**

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	-	586.869.651
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	-	43.035.858
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	3.451.216.426	-

Các khoản ứng trước cho người bán

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	2.649.842.349	-
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	-	13.259.300

Các khoản phải trả khác

Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	4.049.500.000	-
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	2.952.731.353	5.516.185.286
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	-	12.856.588.588
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	864.682.647	860.783.647
Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc	2.400.000.000	110.752

b) Giao dịch với các bên liên quan

		Quan hệ với Công ty	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu				
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập		15.630.355.980	36.460.206.461
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con		1.660.120.215	6.698.374.693
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con		13.536.299.713	42.965.858.762
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con		-	3.797.314.235
Mua hàng				
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con		972.550.890	533.517.865
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con		-	39.123.507
Công ty TNHH TM DV Hùng Phát	Cổ đông sáng lập		3.464.475.726	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

2. Cam kết thuê hoạt động

Hợp đồng thuê văn phòng số TL012/HĐTVP ngày 8/2/2007 giữa Công ty TNHH Tân Long và Công ty Cổ phần Nhựa Đông Á, giá thuê là 6.028 USD/tháng cho diện tích 274 m² tại Tòa nhà DMC, với thời hạn thuê là 5 năm (kể từ ngày 1/03/2007), tiền thuê thanh toán 6 tháng một lần. Chi phí thuê văn phòng được phân bổ cho Công ty mẹ và các công ty con.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104959489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 11 năm 2010, với số vốn điều lệ 18 tỷ đồng do Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á nắm giữ toàn bộ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chưa góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Vật liệu Xây dựng Đông Á và Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đi vào hoạt động trong đầu năm 2011.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 2 năm 2011, Công ty sẽ tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản Đông Á, vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á là 40%.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 757/UBCK-GCN do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010 và Quyết định gia hạn giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 217/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 3 năm 2011, Công ty bắt đầu chào bán ra công chúng tổng số lượng cổ phiếu phổ thông là 2.500.000 cổ phiếu ngày 09 tháng 02 năm 2011 và kết thúc chào bán ngày 04 tháng 03 năm 2011, tổng số cổ phiếu đã chào bán hết là 2.500.000 cổ phiếu.

4. Công nợ tiềm tàng

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là vẫn có thể xảy ra.

5. Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ là số đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại/ điều chỉnh lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Khu Công nghiệp Ngọc Hồi,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**5. Số liệu so sánh (tiếp)****SỐ LIỆU ĐẦU KỲ ĐƯỢC TRÌNH BÀY/PHÂN LOẠI LẠI TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

NGUỒN VỐN	Mã số	Theo BCKT năm 2009	Số đầu năm được trình bày lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
A NỢ PHẢI TRẢ	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	323	(1.448.216.727)	-	1.448.216.727
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (ii)	420	340.262.991	(1.107.953.736)	(1.448.216.727)

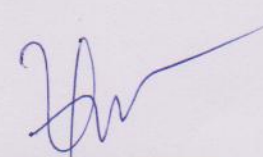
SỐ LIỆU NĂM 2009 ĐƯỢC TRÌNH BÀY/PHÂN LOẠI LẠI TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

CHỈ TIÊU	Mã số	Theo BCKT năm 2009	Số liệu năm 2009 được trình bày lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
6. Doanh thu hoạt động tài chính (iii)	21	164.162.979	10.039.836.195	9.875.673.216

- (i) Điều chỉnh lại khoản Quỹ khen thưởng phúc lợi đã chi lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 chưa kết chuyển nguồn.
- (ii) Ảnh hưởng của việc điều chỉnh khoản chi Quỹ khen thưởng phúc lợi lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 nhưng chưa kết chuyển nguồn.
- (iii) Điều chỉnh hồi tố đối với chính sách kế toán ghi nhận doanh thu hoạt động đầu tư vào Công ty con: Năm 2009, Công ty đã phản ánh khoản lãi từ đầu tư Công ty con vào Tài khoản 421-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối mà không phản ánh qua kết quả kinh doanh; năm 2010 Công ty ghi nhận khoản Doanh thu hoạt động tài chính này trên Báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định điều chỉnh, phân loại lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và tin tưởng việc điều chỉnh, phân loại lại đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp điều chỉnh, phân loại lại sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.


Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 19 tháng 04 năm 2011


Lưu Thị Thúy Hiền
Kế toán trưởng



Member of  **Kreston International**

ABOUT KRESTON INTERNATIONAL

Kreston International Limited was founded in 1971 to offer clients reliable and convenient access to quality services through member firms located around the globe. It is one of the largest accounting networks in the world with more than 700 world-wide offices.

Kreston International is organised as a United Kingdom company limited by guarantee. It is a network of independent member firms who share the costs of maintaining and operating the organisation. Members are partnerships or incorporated companies practicing in their own right, nothing in the Constitution of the network, this directory or elsewhere shall constitute or imply a partnership between the members

www.kreston.com



Trụ sở chính:

P. 1501, Tầng 15, Tòa nhà 17T-1, Trung Hòa - Nhân Chính
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail: contact@ifc-acagroup.vn

Website: www.ifc-acagroup.vn

Văn phòng có tại Hải Phòng, Hải Dương, Vinh và TP. Hồ Chí Minh

Trụ sở chính Kreston International:

17 Clematis Tye, Springfield,
Essex, CM1 6GL, England

Tel: + 44 (0) 1245 443 848

Fax: + 44 (0) 1245 443 858

E-mail: admin@kreston.com

Website: www.kreston.com

Head Office:

Suite 1501, 15th Floor, 17T-1 Building, Trung Hoa - Nhan Chinh
Hanoi, Vietnam

Tel: (84 4) 62 811 488 Fax: (84 4) 62 811 499

E-mail: contact@ifc-acagroup.vn

Website: www.ifc-acagroup.vn

Offices are also in Hai Phong, Hai Duong, Vinh and Ho Chi Minh City

Kreston International Head Office:

17 Clematis Tye, Springfield,
Essex, CM1 6GL, England

Tel : + 44 (0) 1245 443 848

Fax: + 44 (0) 1245 443 858

E-mail: admin@kreston.com

Website: www.kreston.com

